

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 49 + 50

Ngày 01 tháng 7 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 27-5-2021- | Quyết định số 1947/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | 3 |
| 27-5-2021- | Quyết định số 1948/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 16 |
| 27-5-2021- | Quyết định số 1950/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Phú Nhuận. | 37 |
| 27-5-2021- | Quyết định số 1951/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Gò Vấp. | 45 |

- 27-5-2021- Quyết định số 1952/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hóc Môn. 53
- 28-5-2021- Quyết định số 1963/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021. 63

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1947/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược thủy lợi trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm,

dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 4326/QĐ-BNN-TCTL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch tổng thể thủy lợi vùng Đông Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu nước biển dâng.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình 624/TTr-SNN ngày 13 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chiến lược thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện,

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Về triển khai Chiến lược thủy lợi trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1947/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hoạt động thủy lợi có tầm nhìn dài hạn, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, phục vụ đa ngành, đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước; góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Hoạt động thủy lợi phải bảo đảm hài hòa với nguồn nước, chủ động tạo nguồn nước, tích trữ, điều hòa, chuyển, phân phối nước giữa các mùa, khu vực, lưu vực sông trên địa bàn Thành phố;

- Hoạt động thủy lợi thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, huy động sự tham gia của toàn xã hội, từng bước vận hành theo cơ chế thị trường;

- Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác. Nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi khó huy động các nguồn lực xã hội; công trình thủy lợi kết hợp phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai; công trình thủy lợi ở vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu; đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác

công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

- Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tình huống bất lợi nhất; nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, sạt lở bờ sông, bờ biển; bảo đảm an toàn công trình.

2. Yêu cầu

- Chiến lược thủy lợi phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất có trọng điểm. Thực hiện chiến lược thủy lợi vừa mang tính cấp bách, vừa có tính lâu dài nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, an toàn trước thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với điều kiện tự nhiên và khả năng đáp ứng về nguồn nước; khai thác sử dụng đi đôi với bảo vệ nguồn nước, thống nhất theo lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, kết hợp theo đơn vị hành chính;

- Sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, đúng mục đích; bảo đảm số lượng, chất lượng nước trong công trình thủy lợi;

- Tổ chức, cá nhân được sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và phải trả tiền theo quy định;

- Nhà nước bảo đảm nguồn lực đầu tư cho hoạt động thủy lợi theo quy định của pháp luật; đồng thời, có chính sách huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thủy lợi; có chính sách, cơ chế hỗ trợ phù hợp cho đối tượng hộ nghèo;

- Thực hiện các cam kết quốc tế về lĩnh vực thủy lợi mà Việt Nam tham gia, ký kết.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, năng động, bảo đảm cấp, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh;

- Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu

và phát triển thượng nguồn các lưu vực sông; góp phần xây dựng Thành phố an toàn trước thiên tai.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Cấp nước

Bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế - xã hội; đặc biệt quan tâm đến những vùng thường xuyên thiếu nước; chú trọng bảo vệ môi trường và bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh, phục vụ phát triển bền vững, cụ thể:

- Đến năm 2030, cấp nước chủ động cho 90% diện tích đất sản xuất nông nghiệp (trong đó, áp dụng phương thức canh tác và biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt trên 50% diện tích); đến năm 2045, cấp nước chủ động cho 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp (trong đó, áp dụng phương thức canh tác và biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt trên 60% diện tích) theo quy hoạch chung của Thành phố.

- Đảm bảo cấp và tạo nguồn chủ động cho nuôi trồng thủy sản tập trung, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, có giá trị cao.

b) Tiêu, thoát nước và bảo vệ môi trường nước

- Chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng diện tích tiêu bằng trọng lực, đảm bảo tiêu thoát ở vùng đồng bằng, vùng thấp trũng phục vụ dân sinh, nông nghiệp với tần suất từ 5% đến 10%; đáp ứng yêu cầu tiêu, thoát cho khu đô thị vào hệ thống công trình thủy lợi;

- Chủ động phòng, chống lũ, ngập lụt cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu dân cư nông thôn và các hoạt động sản xuất khác thuộc lưu vực tiêu, thoát nước của hệ thống công trình thủy lợi;

- Bảo vệ, kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm nước trong hệ thống công trình thủy lợi, đảm bảo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi đạt tiêu chuẩn cấp cho các hoạt động sử dụng nước.

c) Phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, xói lở bờ sông, bờ biển... kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình;

- Bảo đảm an toàn trước các tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước gây ra cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu;

- Chủ động phòng, tránh và thích nghi với lũ để bảo vệ dân cư ở các lưu vực sông, đảm bảo sản xuất vụ Mùa, vụ Hè Thu và vụ Đông Xuân với tần suất lũ 5% đến 10%.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường thực thi pháp luật về thủy lợi

Tăng cường thực thi pháp luật, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thủy lợi bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi, minh bạch, nâng cao nhận thức của xã hội về pháp luật thủy lợi. Trong đó, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách lĩnh vực thủy lợi đồng bộ, thống nhất, tạo động lực khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động thủy lợi, huy động tối đa các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển thủy lợi;

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi;

- Triển khai thực hiện đồng bộ chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với đặc thù của Thành phố, đối tượng sử dụng dịch vụ; nâng cao trách nhiệm trong việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của các bên liên quan; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng;

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với công tác thủy lợi; hướng dẫn thi hành pháp luật về thủy lợi, phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan;

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, kết hợp phương thức truyền thống với tuyên truyền qua mạng xã hội.

b) Hoàn thiện tổ chức bộ máy

Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý thủy lợi trên địa bàn Thành phố bảo đảm đồng bộ, thống nhất, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống các cơ quan chuyên môn thực hiện chức

năng quản lý nhà nước về thủy lợi, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với quản lý khai thác;

- Thành lập, củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi cơ sở phù hợp với đặc thù của Thành phố, quy mô hệ thống công trình, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng vì lợi ích giữa các thành viên và gắn với xây dựng nông thôn mới, phát huy vai trò chủ thể của người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

c) Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo nâng cao năng lực, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động thủy lợi. Trong đó triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực ngành thủy lợi hiện có; xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phù hợp với từng đối tượng tham gia, đào tạo đa ngành, nghề;

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học, thiết kế, xây dựng và quản lý, khai thác thủy lợi; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho tổ chức thủy lợi cơ sở, bồi dưỡng tay nghề cho người lao động trực tiếp tham gia vận hành công trình;

- Thực hiện chính sách đãi ngộ phù hợp, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động thủy lợi, hình thành đội ngũ chuyên gia chuyên sâu trong công tác thủy lợi.

d) Nâng cao chất lượng công tác phát triển thủy lợi

Xây dựng tầm nhìn, kịch bản phát triển trên cơ sở thích ứng với biến đổi khí hậu, giải quyết các tác động cực đoan, như: hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. Trong đó triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Tiếp tục thực hiện đề án “Tái cơ cấu ngành thủy lợi” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thực hiện các đề án nhằm đáp ứng định hướng phát triển của ngành nông nghiệp Thành phố là phát triển nông nghiệp đô thị, kết hợp phòng chống thiên tai, cải thiện ô nhiễm môi trường, góp phần hỗ trợ tiêu thoát nước, chống ngập vùng ven đô thị; đồng thời, tích hợp vào nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố thời kỳ 2021 - 2030; trong đó, đề xuất các giải pháp công trình và phi

công trình tạo nguồn nước, tích trữ, điều hòa, chuyển, kết nối nguồn nước giữa các mùa và vùng, đảm bảo an ninh nguồn nước, bảo vệ môi trường nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tái cấu trúc nền kinh tế, phát triển nông nghiệp bền vững, tái sử dụng nguồn nước, gắn với tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chương trình xây dựng nông thôn mới, gồm:

- + Rà soát Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực Thành phố;
- + Phương án phát triển thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- + Phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Tăng cường bảo vệ chất lượng nước công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

e) Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi

Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ đa mục tiêu có trọng tâm, trọng điểm theo hướng đồng bộ, hiện đại, áp dụng công nghệ mới, cụ thể thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công trình gắn với Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2019 - 2025 theo hướng cơ cấu lại và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2019, Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

- Duy tu, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống công trình thủy lợi hiện có theo hướng hiện đại, đồng bộ; xây dựng hệ thống giám sát vận hành để nâng cao hiệu quả công trình;

- Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, cải tạo môi trường sinh thái;

- Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi để thoát lũ, giảm lũ, kiểm soát lũ, kiểm soát triều, ngăn mặn, trữ nước ngọt, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển;

- Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước, đồng thời thu hút các nguồn lực của xã hội để xây dựng công trình thủy lợi;

- Tiếp tục bảo vệ và phát triển rừng và trồng cây chắn sóng bảo vệ bờ biển, bờ

sông.

f) Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi, tổ chức thủy lợi cơ sở; phát huy nội lực và vai trò chủ thể của người dân trong công tác thủy lợi; nâng cao chất lượng dịch vụ thủy lợi, mức bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt. Trong đó triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

- Đảm bảo duy trì nhiệm vụ theo thiết kế; bảo trì, bảo dưỡng để nâng cao tuổi thọ công trình thủy lợi;

- Rà soát và đề xuất các biện pháp xử lý, thay thế các công trình thủy lợi đã xuống cấp, không thể sửa chữa, hư hỏng nặng;

- Triển khai các giải pháp quản lý, giải pháp gắn với hệ sinh thái, tái sử dụng nước, kiểm soát nguồn thải, bảo vệ chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ các đối tượng sử dụng nước;

- Hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo, cảnh báo, quản lý, vận hành; đầu tư thiết bị, công nghệ nâng cao năng lực dự báo nguồn nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, chuyên dùng phục vụ công tác quản lý; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chỉ đạo, điều hành công tác quản lý, khai thác, vận hành hệ thống công trình thủy lợi;

- Hỗ trợ, củng cố, kiện toàn tổ chức thủy lợi cơ sở theo hướng phục vụ đa dịch vụ phù hợp với đặc thù của Thành phố;

- Triển khai thực hiện chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa tổ chức cung cấp và người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với đặc thù của Thành phố; thực hiện hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các đối tượng sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để mở rộng, tăng nguồn thu, đảm bảo đủ chi phí quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, ưu tiên phát triển dịch vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ; áp dụng các quy trình quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

g) Khoa học công nghệ

Cùng với xu hướng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, phù hợp với định hướng chuyển đổi số, đồng thời tích hợp với đề án xây dựng Đô thị thông minh của Thành phố, việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ để hiện đại hóa công tác quản lý, khai thác, giám sát, vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, đảm bảo công tác giám sát chất lượng nguồn nước trực tuyến theo thời gian thực nhằm phát huy hiệu quả, nâng cao năng lực quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố là nhu cầu thiết yếu. Trong đó, triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành thủy lợi trên nền thông tin địa lý phục vụ công tác quản lý; đồng thời, xây dựng bản đồ trực tuyến phục vụ công tác quản lý, khai thác, vận hành hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố;

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo diễn biến nguồn nước, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, bờ sông, bờ biển để phục vụ hoạt động thủy lợi;

- Triển khai ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước, cấp nước sinh hoạt, tái sử dụng nước và tiêu, thoát nước;

- Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, cấu kiện mới và công nghệ hiện đại trong xây dựng công trình thủy lợi, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình;

- Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến nguồn nước, công trình thủy lợi làm cơ sở khoa học xây dựng tầm nhìn, kịch bản quy hoạch;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát biến động đường bờ;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám trong xây dựng dữ liệu phục vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

h) Hợp tác quốc tế

Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, huy động nguồn lực phục vụ hoạt động thủy lợi. Trong đó triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp:

- Chủ động, tham gia, mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế liên quan đến hoạt

động thủy lợi; trao đổi thông tin, chuyển giao công nghệ, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm và huy động nguồn lực trong hoạt động thủy lợi;

- Huy động nguồn lực hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tiên tiến của thế giới; tăng cường kết nối với cộng đồng người Việt Nam hoạt động khoa học công nghệ ở nước ngoài.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch, hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Đối với các hoạt động trong Kế hoạch được triển khai trong năm 2021:

- Cấp thành phố: đề nghị các Sở, ban - ngành cân đối dự toán được giao để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Cấp huyện: đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận - huyện cân đối ngân sách thành phố, ngân sách quận - huyện để thực hiện nhiệm vụ được phân công. Trường hợp đến cuối năm ngân sách có khó khăn, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có văn bản gửi Sở Tài chính rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét.

2. Việc lập dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể và thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện để triển khai các nhiệm vụ có hiệu quả, bảo đảm tiến độ, chất lượng. Trong quá trình thực hiện nếu có khó

khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, theo dõi, đôn đốc, phối hợp, hướng dẫn các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng tiến độ và tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định các vướng mắc, khó khăn vượt thẩm quyền trong quá trình thực hiện của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình triển khai Chiến lược thủy lợi trên địa bàn Thành phố theo quy định.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, bố trí kế hoạch vốn cho các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

4. Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này theo quy định.

5. Ngoài các nội dung và giải pháp trọng tâm nêu tại Kế hoạch này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về chuyên ngành thủy lợi./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1948/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch phòng, chống mại dâm
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải của người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 4 năm 2006;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống mại dâm ngày 14 tháng 3 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm;

Căn cứ Báo cáo số 26/BC-LĐTĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 14606/TTr-SLĐTBXH ngày 10 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1948/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội, thực trạng tệ nạn mại dâm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH

Trong 05 năm triển khai thực hiện Quyết định số 361/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016 - 2020, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo quyết liệt đối với các sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng tệ nạn mại dâm hoạt động nơi công cộng hoặc biến tướng trá hình trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ, đồng thời thực hiện tuyên truyền phòng, chống mại dâm và thực hiện các mô hình can thiệp giảm hại, nhờ đó tệ nạn mại dâm và việc lây nhiễm HIV/AIDS qua đường tình dục được kéo giảm một cách rõ rệt, tình hình an ninh chính trị được giữ vững và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo số liệu thống kê hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có trên 25.000 lao động nữ làm việc tại 8.674 cơ sở kinh doanh dịch vụ và ước tính có khoảng 2.500 người nghi vấn hoạt động mại dâm; có 20 điểm, tụ điểm, tuyến đường

thuộc thành phố Thủ Đức và 10 quận, huyện (gồm 26 phường, xã, thị trấn) có phát sinh tệ nạn mại dâm nơi công cộng. Tuy nhiên, con số thực tế có thể còn cao hơn, do đây là hoạt động rất khó kiểm soát bởi tính phức tạp, di biến động, tinh vi và trá hình của nó vẫn còn diễn biến khó lường, ngoài số đối tượng hoạt động mại dâm theo phương thức cũ như đường dây mại dâm hoạt động theo hình thức “gái gọi”, mại dâm đứng đường đón khách, hoạt động mại dâm trong các khu dân cư, các đối tượng tổ chức hoạt động mại dâm trá hình trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ “nhảy cảm”,... cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, đối tượng tổ chức mại dâm đã lợi dụng hình thành các đường dây môi giới theo hình thức “gái gọi” thông qua mạng Internet, sử dụng các trang website,... hoặc thông qua ứng dụng trên mạng xã hội như Facebook, Zalo, Viber, Wechat,... hay các cơ sở kinh doanh dịch vụ (spa, massage) trá hình hoạt động mại dâm đồng tính nam, các đường dây sextour có tính quốc tế vượt ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, do đó các đơn vị chức năng rất khó khăn trong công tác đấu tranh, truy quét, triệt phá.

Trước thực trạng tệ nạn mại dâm nêu trên, Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm Thành phố Hồ Chí Minh cần tập trung đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến mại dâm, nâng cao hiệu quả chính sách, mô hình dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm, góp phần thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

II. QUAN ĐIỂM - MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Mại dâm là vấn đề xã hội hết sức phức tạp, liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân và an ninh trật tự, an toàn xã hội, an sinh xã hội. Do vậy, công tác phòng, chống mại dâm cần tập trung thực hiện các giải pháp xã hội, ưu tiên các biện pháp phòng ngừa kết hợp với xây dựng các thiết chế văn hóa ở cộng đồng; tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức, giáo dục lối sống cho người dân, đặc biệt đối với thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Đồng thời, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến mại dâm.

1.2. Phòng, chống mại dâm là nhiệm vụ mang tính chất liên ngành; do vậy, cần phải có sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp, tham gia của các tổ chức xã hội, người dân.

1.3. Phòng, chống mại dâm phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo và tôn trọng quyền con người, chú trọng đến vấn đề giới, chống kỳ thị, phân biệt đối xử đối với phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế khác. Tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực, các nước có chung biên giới trong việc phòng ngừa, đấu tranh chống xâm hại tình dục trẻ em, mua bán người vì mục đích mại dâm.

1.4. Đảm bảo đầu tư các nguồn lực cho công tác phòng, chống mại dâm phù hợp với khả năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chủ động bố trí nguồn lực cho hoạt động phòng, chống mại dâm tại địa phương.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tăng cường các hoạt động phòng, chống mại dâm nhằm giảm số người tham gia hoạt động mua bán dâm, giảm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến mại dâm, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; hạn chế các ảnh hưởng do tệ nạn mại dâm gây ra đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo sự bình đẳng, chú trọng các hỗ trợ xã hội, thúc đẩy việc đảm bảo quyền tiếp cận và sử dụng các dịch vụ an sinh xã hội, tạo cơ hội để người bán dâm thay đổi hành vi, hòa nhập cộng đồng một cách bền vững; đồng thời tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác phòng, chống mại dâm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- 100% thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mại dâm bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là trên các trang mạng xã hội, internet,... nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong công tác phòng, chống mại dâm, giảm sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người bán dâm.

- 100% cấp ủy đảng, chính quyền được quán triệt, phổ biến pháp luật về phòng, chống mại dâm.

- 100% cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội tại thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và Đội công tác xã hội tình nguyện được tập huấn, nâng cao năng lực về tiếp cận, truyền thông và tổ chức điều hành, phối

hợp liên ngành trong công tác phòng, chống mại dâm.

- 100% thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai chương trình phòng, chống tệ nạn mại dâm lồng ghép nhiệm vụ phòng, chống mại dâm với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội.

- 100% thành phố Thủ Đức và các quận, huyện kiện toàn Lực lượng Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội theo Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm.

- Tổ chức kiểm tra 100% các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm trên Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ít nhất 80% các vụ việc, hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm được phát hiện phải xử lý theo quy định; giải quyết, xét xử các vụ án liên quan đến mại dâm đạt từ 90% trở lên.

- 100% số người bán dâm có nhu cầu được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ hỗ trợ xã hội phù hợp; đồng thời duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình thí điểm về công tác hỗ trợ, giúp đỡ người bán dâm hòa nhập cộng đồng, người bán dâm tham gia mô hình được giới thiệu, chuyển gửi, tiếp cận với các dịch vụ về tư vấn pháp lý - tâm lý, chăm sóc sức khỏe, dạy văn hóa, dạy nghề, giải quyết việc làm và hỗ trợ vay vốn gắn với các chương trình an sinh xã hội của địa phương, giúp cho họ ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng một cách bền vững.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Người bán dâm, nạn nhân bị mua bán vì mục đích mại dâm.

- Chủ các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm và khiêu dâm, kích dục.

- Các gia đình nạn nhân bị mua bán vì mục đích mại dâm.

- Các sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn được giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phòng, chống mại dâm.

2. Phạm vi: Các hoạt động của Chương trình phòng, chống mại dâm được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 - 2025.

IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

- Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống mại dâm cho các tầng lớp Nhân dân trong xã hội, tập trung vào đối tượng có nguy cơ cao như: học sinh, sinh viên, lao động chưa có việc làm, người lao động nhập cư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất,... đặc biệt là nhóm lao động di cư, tìm việc làm nơi khác và nhân viên tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng để nâng cao nhận thức về tác hại của tệ nạn mại dâm và việc lây nhiễm HIV/AIDS; gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Gia đình văn hóa” kết hợp với phong trào “Xây dựng phường, xã, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn ma túy, mại dâm”.

- Xây dựng bộ công cụ truyền thông, các chuyên trang, chuyên mục, các tiêu phẩm, ký sự, bài viết và tăng thời lượng phát sóng, đưa tin về tình hình tệ nạn mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS trên các phương tiện truyền thông, báo chí, mạng xã hội, internet; đa dạng các hình thức truyền thông tại cộng đồng thông qua các hội thảo, buổi thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề,... chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, các hoạt động tuyên truyền mang tính tương tác cao để cung cấp thông tin cho những người lao động tại địa phương (chú trọng đến nhóm có nhu cầu di cư, tìm việc làm tại nơi khác) nhằm đảm bảo việc di cư lao động an toàn, phù hợp với khả năng, điều kiện của họ trong cuộc sống.

- Xây dựng bộ công cụ truyền thông, tài liệu tập huấn về phòng, chống mại dâm, nếp sống văn minh, hành vi tình dục lành mạnh, an toàn cho các đối tượng trong xã hội (sách mỏng, tờ rơi, tranh áp phích, sổ tay cho tuyên truyền viên, cẩm nang hướng dẫn sinh hoạt các chuyên đề, sổ tay các nguyên tắc và kỹ năng làm việc với người bán dâm, lịch kết hợp sổ tay giới thiệu các đơn vị cung cấp dịch vụ xã hội trên địa bàn, móc khóa, quạt, áo mưa, các phóng sự, phim,...).

- Tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên,

tình nguyện viên, cộng tác viên các cấp; hỗ trợ thực hiện tốt công tác tuyên truyền và hướng dẫn cộng đồng về phòng, chống mại dâm.

2. Thực hiện các hoạt động phòng ngừa mại dâm lồng ghép vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn cơ sở

- Tổ chức rà soát, đánh giá về nhóm người có nguy cơ cao (lĩnh vực giải trí, văn hóa nghệ thuật, các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để phát sinh tệ nạn mại dâm, thanh niên chưa có nghề nghiệp, chưa có việc làm, học đường,...) để hướng mục tiêu của các chương trình an sinh xã hội, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình tuyên truyền, truyền thông tại địa phương đến các nhóm đối tượng này.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về phòng, chống mại dâm; huy động mọi nguồn lực và sự tham gia của các đơn vị, tổ chức, cá nhân và cộng đồng vào các hoạt động phòng, chống mại dâm; lồng ghép các hoạt động phòng, chống mại dâm với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, dạy nghề, giới thiệu việc làm, tạo sinh kế, hỗ trợ giảm tác hại và các hỗ trợ khác cho người bán dâm hòa nhập cộng đồng.

3. Giải pháp hỗ trợ, giảm tác hại, phòng, chống bạo lực trong phòng, chống mại dâm

- Đánh giá các mô hình thí điểm về hỗ trợ người bán dâm; tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình thí điểm có hiệu quả theo hướng hỗ trợ trao quyền, tăng cường sự tham gia của các nhóm đồng đẳng, nhóm tự lực, câu lạc bộ của người bán dâm trong việc giải quyết các vấn đề liên quan của người bán dâm.

- Triển khai thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng và cơ sở trợ giúp xã hội, điều kiện, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ hỗ trợ; phối hợp với các cơ sở, đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm.

- Tổ chức các khóa đào tạo, lớp tập huấn nâng cao năng lực về quy trình hỗ trợ giảm tác hại, hòa nhập cộng đồng và gói dịch vụ hỗ trợ xã hội đối với người bán dâm cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội các cấp và cán bộ trực tiếp tham gia cung cấp, hỗ trợ dịch vụ cho người bán dâm.

- Xây dựng chương trình tiếp cận, truyền thông cho đối tượng là người bán dâm đang hoạt động tại nơi công cộng và tại cơ sở kinh doanh dịch vụ về chủ trương,

chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm làm thay đổi hành vi của người vi phạm.

- Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện bố trí nguồn lực để tổ chức hệ thống dịch vụ hỗ trợ xã hội cho người bán dâm.

4. Giải pháp đấu tranh, ngăn chặn và xử lý vi phạm

4.1. Tăng cường hoạt động phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm liên quan đến mại dâm

- Tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng tình hình tệ nạn mại dâm, tình hình tội phạm liên quan đến mại dâm, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm làm cơ sở xây dựng dữ liệu, thiết lập hệ thống thông tin quản lý về tình hình tệ nạn mại dâm trên địa bàn quản lý.

- Nâng cao trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ “nhạy cảm” nhằm kịp thời phát hiện, kiểm tra, xử lý triệt để các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật không lành mạnh; chú ý xây dựng các loại hình hoạt động văn hóa lành mạnh dưới nhiều hình thức như: tổ chức các điểm sáng văn hóa, các điểm sinh hoạt, vui chơi giải trí lành mạnh ở các ấp, khu phố; nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Gia đình văn hóa” tại địa phương.

- Kiện toàn Lực lượng Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, phường, xã, thị trấn theo Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm và Thông tư số 05/2006/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thành lập và tổ chức hoạt động của Đội Kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, liên ngành trong tổ chức và hoạt động.

- Xây dựng đường dây nóng tố giác tội phạm về mại dâm, tổ chức thu thập, tiếp nhận, xác minh các nguồn tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến hoạt động mại dâm.

- Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các thành viên Đội Kiểm tra liên ngành 178 các cấp. Tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm giữa các Đội

Kiểm tra liên ngành của thành phố Thủ Đức và các quận, huyện với các phường, xã, thị trấn về công tác kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm.

- Tiến hành điều tra cơ bản, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ tập trung vào các tuyến đường, địa bàn trọng điểm để phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn tội phạm liên quan mại dâm; tổ chức điều tra, đấu tranh, triệt phá các vụ án có tổ chức phạm tội liên quan đến tệ nạn mại dâm, giải cứu nạn nhân bị mua bán. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến mại dâm từ cấp cơ sở.

- Quản lý chặt chẽ các điều kiện thành lập và hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động này để tổ chức hoạt động mại dâm.

- Đối với thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có tụ điểm, tuyến đường phát sinh tệ nạn mại dâm nơi công cộng, đặc biệt là địa bàn giáp ranh tiến hành ký kết liên tịch tăng cường công tác phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn mại dâm nói riêng bằng các biện pháp phối hợp bố trí chốt chặn, kiểm tra, tổ chức tuần tra chung của các lực lượng và tiến hành họp giao ban định kỳ để trao đổi thông tin về tình hình tội phạm tệ nạn xã hội; đồng thời đánh giá kết quả phối hợp đấu tranh chuyên hóa địa bàn, tụ điểm và đề xuất các giải pháp phối hợp thực hiện trong thời gian tới.

4.2. Truy tố, xét xử tội phạm liên quan đến mại dâm

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm nhân dân trong công tác kiểm sát, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến mại dâm. Thực hiện hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án liên quan đến mại dâm.

- Xét xử kịp thời, nghiêm minh các vụ án về mại dâm; phối hợp lựa chọn các vụ án điển hình để tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng xét xử và tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong công tác phòng, chống mại dâm.

5. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống mại dâm

- Tiếp tục rà soát, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn

hóa, phòng, chống tệ nạn xã hội, y tế, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh,... từ đó tập hợp kiến nghị, đề xuất đến các đơn vị có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, thay thế các quy định không còn phù hợp, ban hành mới những văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về phòng, chống mại dâm.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp của các đơn vị có liên quan trong việc cấp, thu hồi giấy phép và quản lý hoạt động đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm.

- Xây dựng cơ chế phối hợp các đơn vị chức năng trong hoạt động kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, phường, xã, thị trấn nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý Nhà nước cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội để làm tốt vai trò tham mưu, đề xuất, tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống mại dâm.

V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (thông qua Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội)

Chủ trì, phối hợp với các sở - ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật về phòng, chống mại dâm bằng nhiều hình thức và nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội, tập trung vào các đối tượng có nguy cơ cao dễ sa vào tệ nạn mại dâm.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình tệ nạn mại dâm hoạt động tại nơi công cộng và tại cơ sở kinh doanh dịch vụ để làm cơ sở tham mưu đề xuất các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn, không để tệ nạn mại dâm phát sinh tràn lan trên địa bàn dân cư.

- Cùng cố nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội (Đoàn 2) theo Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh

phòng, chống mại dâm và Thông tư số 05/2006/TT-BLĐT BXH ngày 22 năm 6 tháng 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thành lập và tổ chức hoạt động của đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý Nhà nước và chất lượng hoạt động của lực lượng Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội và đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội tại thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn về phòng, chống tệ nạn mại dâm.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình thí điểm hiện có và lồng ghép xây dựng mô hình để cung cấp các dịch vụ về tư vấn pháp lý - tâm lý, chăm sóc sức khỏe, dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, hỗ trợ vay vốn, học nghề và giới thiệu việc làm thông qua chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình tín dụng ưu đãi bằng nguồn vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm trợ giúp cho người bán dâm từng bước thay đổi hành vi, ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng.

- Chủ động đề xuất các đơn vị có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm chưa phù hợp với đặc điểm, tình hình tệ nạn mại dâm mới phát sinh hiện nay.

2. Công an Thành phố Hồ Chí Minh

- Chủ động nắm tình hình, điều tra cơ bản, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để tổ chức điều tra, triệt phá các tổ chức phạm tội liên quan đến mại dâm; đồng thời chú trọng các loại tội phạm mua bán người vì mục đích mại dâm và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện, ngăn chặn tội phạm liên quan đến mại dâm từ cấp cơ sở.

- Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp phối hợp chặt chẽ với lực lượng Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội thường xuyên tổ chức các đợt cao điểm kiểm tra, xử lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ phát sinh tệ nạn xã hội, lập hồ sơ truy tố các đối tượng sử dụng việc mua dâm, bán dâm và các hoạt động tình dục khác làm phương thức kinh doanh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông ngăn chặn và xử lý các hoạt động môi giới mại dâm sử dụng công nghệ cao, tăng cường quản lý các trang web, diễn đàn

trên mạng xã hội, siết chặt nội dung các website quảng cáo, môi giới mại dâm trá hình.

- Tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các quy định về quản lý an ninh trật tự đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện về an ninh trật tự; quản lý địa bàn và xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống mại dâm.

3. Bộ đội Biên phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị chức năng thực hiện hoạt động phòng, chống mại dâm gắn với phòng, chống tội phạm ma túy và mua bán người ở khu vực biên giới. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, quản lý biên giới, vùng biển, đặc biệt khu vực cửa khẩu, cảng biển để kịp thời ngăn chặn hoạt động mại dâm, mua bán người qua biên giới nhằm mục đích mại dâm để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng bộ tài liệu tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý các hoạt động vi phạm liên quan đến lĩnh vực văn hóa, phòng, chống tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn mại dâm nói riêng cho lực lượng Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội các cấp.

- Tăng cường công tác kiểm tra chuyên ngành văn hóa, thể thao; công tác Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (Đoàn 1); chú trọng công tác phối hợp giữa các lực lượng Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Thủ Đức, các quận, huyện trong công tác kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa nhằm ngăn chặn và xử lý các hành vi mại dâm, khiêu dâm, kích dục, lưu hành văn hóa phẩm độc hại, đồi trụy; lồng ghép các nội dung tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mại dâm với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý hoạt động văn hóa, dịch vụ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện nay.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng tăng cường công tác tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn mại dâm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Sở Du lịch

Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị có liên quan chỉ đạo việc

thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, du lịch, vui chơi, giải trí nhằm ngăn chặn và xử lý các hành vi khiêu dâm, kích dục, lưu hành văn hóa phẩm độc hại, đồi trụy, lợi dụng du lịch để tổ chức hoạt động mại dâm.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan báo, đài Thành phố đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, các tiêu phẩm, ký sự, bài viết và tăng thời lượng phát sóng, đưa tin về tình hình tệ nạn mại dâm, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, cũng như việc cung cấp thông tin cho những người lao động tại địa phương (chú trọng đến nhóm có nhu cầu di cư, tìm việc làm tại nơi khác) nhằm đảm bảo việc di cư lao động an toàn.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền các nội dung qua hệ thống thông tin cơ sở bằng nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả. Phối hợp với Công an Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị có liên quan quản lý chặt chẽ mạng thông tin, viễn thông, ngăn chặn các trang mạng có nội dung xấu và độc hại.

7. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống mại dâm.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản pháp luật về phòng, chống mại dâm cho phù hợp với công tác phòng, chống mại dâm trong thời gian tới.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nghiên cứu xây dựng và lồng ghép các chương trình giáo dục giới tính, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy, HIV/AIDS và mua bán người trong học đường bằng nhiều hình thức, nội dung và phương pháp phù hợp gắn với nội dung giáo dục công dân, sinh hoạt ngoại khóa để giáo dục học sinh, sinh viên thực hiện nếp sống, lối sống lành mạnh, không vi phạm tệ nạn xã hội, có ý thức bảo vệ và tránh xa tệ nạn mại dâm.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý để kịp thời ngăn chặn tệ nạn mại dâm, ma túy xâm nhập trong học sinh, sinh viên nhất là ở một số trường học nằm trên địa bàn phức tạp dễ xảy ra việc dụ dỗ, lôi kéo học sinh, sinh viên sử dụng trái phép chất ma túy, cần sa, shisha,...

9. Sở Y tế

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai các biện pháp can thiệp giảm hại về HIV/AIDS trong phòng, chống mại dâm, chỉ đạo khám bệnh định kỳ đối với nhân viên của các cơ sở kinh doanh dịch vụ.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh (HCDC) phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố Hồ Chí Minh và chính quyền địa phương tiếp tục duy trì hoạt động các mô hình thí điểm; tạo điều kiện cho người bán dâm được tiếp cận các dịch vụ can thiệp dự phòng, khám và điều trị HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, chương trình điều trị Methadone cho người bán dâm có sử dụng ma túy.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống mại dâm và tăng cường công tác hậu kiểm tra sau khi cấp phép kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm, khiêu dâm, kích dục về chức năng, quy mô hoạt động kinh doanh, việc thực hiện báo cáo định kỳ của cơ sở kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nhất là tình trạng cấp giấy phép mới đối với những cơ sở kinh doanh dịch vụ liên tục có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tệ nạn xã hội.

11. Sở Công Thương

Tăng cường kiểm tra, xử lý theo quy định pháp luật đối với các thương nhân tổ chức thực hiện khuyến mại không đúng quy định; kinh doanh rượu, thuốc lá không đúng quy định.

12. Sở Tài chính

Phối hợp với các sở - ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

13. Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố Hồ Chí Minh

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai các chương trình cho vay vốn ưu đãi đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV/AIDS, người sau cai nghiện ma túy, người bán dâm theo quy định.

14. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính nghiên cứu đề xuất, bổ sung lực lượng cán bộ chuyên trách làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn mại dâm nói riêng, đảm bảo về chế độ, chính sách và gắn trách nhiệm đối với cán bộ được phân công để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ trong thời gian tới.

15. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Tăng cường hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự để giải quyết đối với các vụ án liên quan đến hoạt động mại dâm có yếu tố nước ngoài, đảm bảo có căn cứ pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong xét xử các vụ án mại dâm và nhanh chóng đưa ra xét xử các vụ án về tội phạm mại dâm có tổ chức, các vụ án liên quan đến mua bán người vì mục đích mại dâm, vụ án liên quan đến trẻ em bị bóc lột tình dục, trẻ em bán dâm, buôn bán trẻ em vì mục đích mại dâm, hành vi tổ chức, môi giới, bảo kê, sử dụng trẻ em vào mục đích khiêu dâm và các hành vi biến tướng, trá hình khiêu dâm, kích dục, vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm.

- Tham gia nghiên cứu, đóng góp hoàn thiện các chế tài xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm.

- Phối hợp với các ngành chức năng trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn mại dâm.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân trong công tác truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến mại dâm.

16. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Ngành Kiểm sát phối hợp với các đơn vị chức năng tăng cường chỉ đạo kiểm sát chặt chẽ ngay từ khi có tố giác, tin báo về tội phạm mại dâm, kiểm sát việc giải quyết để xử lý kịp thời, tránh bỏ lọt tội phạm và không làm oan, sai; kiểm sát chặt chẽ việc điều tra và đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án đảm bảo xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các vụ án mại dâm.

- Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra; chủ động đề ra biện pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền

công tố, kiểm sát điều tra, xét xử các vụ án mai dâm. Thông qua kiểm sát các vụ án mai dâm, tập trung phát hiện các vi phạm, sơ hở, thiếu sót trong quản lý Nhà nước để kiến nghị với các ngành chức năng về công tác quản lý, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn mai dâm.

- Thường xuyên phối hợp với các đơn vị hữu quan thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm và truy quét tệ nạn mai dâm. Đồng thời, tăng cường hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự để giải quyết đối với các vụ án liên quan đến hoạt động mai dâm có yếu tố nước ngoài, đảm bảo có căn cứ pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra, Tòa án trong chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử các vụ án mai dâm. Phối hợp tốt với Tòa án trong việc nhanh chóng đưa ra xét xử nghiêm khắc các vụ án về tội phạm mai dâm có tổ chức, các vụ án liên quan đến trẻ em bị bóc lột tình dục, trẻ em bán dâm, buôn bán trẻ em vì mục đích mai dâm, hành vi tổ chức, môi giới, bảo kê, sử dụng trẻ em vào mục đích khiêu dâm và các hành vi biến tướng, trá hình khiêu dâm, kích dục, vi phạm pháp luật về phòng, chống mai dâm.

- Tham gia nghiên cứu, đóng góp hoàn thiện các chế tài xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mai dâm.

- Phối hợp với các ngành chức năng trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tội phạm và tệ nạn mai dâm. Tổng kết, đánh giá kết quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết các vụ án liên quan đến tệ nạn mai dâm xảy ra trên Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2021 - 2025.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tổ chức thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” kết hợp với phong trào “Xây dựng phường, xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mai dâm”, thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của các đơn vị kinh doanh ngành nghề “nhạy cảm”; đồng thời phát động phong trào và vận động Nhân dân phát hiện, báo tin cho đơn vị chức năng tại địa bàn dân cư có biện pháp phối hợp tuyên truyền, giáo dục và xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm tệ nạn xã hội.

- Tuyên truyền, truyền thông về phòng, chống tệ nạn ma túy, mai dâm cho các

tầng lớp Nhân dân, xây dựng các mô hình hiệu quả trong cộng đồng dân cư về phòng, chống ma túy, mại dâm gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và thực hiện giám sát hoạt động quản lý Nhà nước về công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm của Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị chuyên môn.

18. Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, truyền thông cho các hội viên, phụ nữ, nhất là số phụ nữ đang làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ, nữ công nhân sinh sống tại các nhà trọ, phụ nữ nhập cư có hoàn cảnh khó khăn và người có nguy cơ cao dễ sa vào tệ nạn mại dâm.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm Công tác xã hội Ánh Dương thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh và các mô hình, câu lạc bộ do Hội tổ chức, qua đó hỗ trợ tư vấn pháp lý - tâm lý, chăm sóc sức khỏe, can thiệp dự phòng lây truyền HIV/AIDS, tạo điều kiện vay vốn, học nghề, giới thiệu việc làm để ổn định cuộc sống.

19. Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh

Phát huy vai trò của tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Sinh viên trong công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp thanh niên trong phong trào đấu tranh phòng, chống, ngăn chặn tệ nạn mại dâm trong lứa tuổi thanh niên nhằm góp phần xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh năng động, sáng tạo, văn minh, nghĩa tình.

20. Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh

Phối hợp với các sở - ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông một cách thường xuyên, liên tục trong nữ công nhân lao động, nam thanh niên làm các công việc phải xa gia đình nhằm phòng ngừa, ngăn chặn tệ nạn mại dâm, nhất là nữ công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp gắn với việc thực hiện các chương trình an sinh xã hội của chính quyền địa phương; đồng thời vận động công nhân và người lao động chấp hành các quy định pháp luật của Nhà nước về phòng, chống mại dâm và các quy định pháp luật khác có liên quan.

21. Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh

Vận động cán bộ, hội viên tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng, chống mại dâm, tố giác những hiện tượng mại dâm ở nơi công cộng hoặc tại cơ sở kinh doanh dịch vụ “nhảy cảm” trên địa bàn ở từng khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân; đồng thời vận động Nhân dân và con em hội viên cựu chiến binh gương mẫu không tham gia vào mại dâm, góp phần xây dựng hình ảnh người cựu chiến binh mẫu mực, xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa, ấp văn hóa nhằm đẩy mạnh phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc” trong giai đoạn mới của đất nước.

22. Hội Nông dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Vận động nông dân tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống mại dâm, lên án tố giác tệ nạn mại dâm, góp phần xây dựng nông thôn mới ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

- Nâng cao chất lượng và nhân rộng các mô hình Câu lạc bộ nông dân nuôi dạy con tốt, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội có hiệu quả. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ về kinh nghiệm sản xuất và vay vốn cho những người sau cai đã hoàn lương, tái hòa nhập cộng đồng.

23. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn

- Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật về phòng, chống mại dâm theo chiều sâu, đi vào từng nhóm đối tượng, địa bàn, khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân; trong đó tập trung các hoạt động truyền thông hướng đến thay đổi hành vi của người vi phạm là người mại dâm; đồng thời tích cực đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Gia đình văn hóa” gắn với công tác “Xây dựng phường, xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm”.

- Chú trọng nâng cao trách nhiệm và hiệu quả quản lý Nhà nước trong công tác phòng, chống mại dâm, xác định rõ vai trò, trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương nếu để xảy ra tệ nạn mại dâm kéo dài trên địa bàn quản lý mà không có biện pháp xử lý triệt để; đồng thời đưa kết quả công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm vào Chương trình, Nghị quyết của địa phương để làm tiêu chí bình xét thi đua, đánh giá hàng năm của tập thể, đơn vị.

- Tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng tình hình mại dâm, tội phạm liên quan

đến mại dâm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm để xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý về tình hình tệ nạn mại dâm trên địa bàn quản lý; đồng thời đề ra các giải pháp đấu tranh, chuyển hóa địa bàn, tụ điểm đạt hiệu quả.

- Kiện toàn Đội, Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý, thường xuyên kiểm tra đối với một số ngành nghề, cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để phát sinh tệ nạn mại dâm, khiêu dâm, kích dục và kịp thời phát hiện xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm có liên quan.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc thực hiện ký bản cam kết của chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn về việc không để tệ nạn mại dâm xảy ra tại nơi kinh doanh; thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về phòng, chống mại dâm.

- Chỉ đạo lực lượng Công an tăng cường đấu tranh, trấn áp tội phạm liên quan đến mại dâm, triệt phá các tụ điểm, khu vực, tuyến đường và đường dây tổ chức hoạt động mại dâm ở các địa bàn trọng điểm; tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng tình hình tệ nạn mại dâm để xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết lập hệ thống thông tin quản lý về tình hình tệ nạn mại dâm trên địa bàn quản lý và lập kế hoạch kiểm tra, xử lý. Các địa phương có địa bàn giáp ranh tiến hành ký kết liên tịch tăng cường công tác phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Tổ chức xây dựng mô hình can thiệp, giảm tác hại để tiếp cận truyền thông trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người có nguy cơ cao và người bán dâm được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ can thiệp dự phòng, khám và điều trị HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, chương trình điều trị Methadone cho người bán dâm có sử dụng ma túy, chương trình 100% bao cao su dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS, chương trình giảm nghèo, chương trình tín dụng ưu đãi bằng các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước để hỗ trợ vay vốn, học nghề, giới thiệu việc làm và tạo điều kiện cho họ cơ hội hoàn lương thay đổi công việc, ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng một cách bền vững.

- Chủ động lập dự toán bố trí kinh phí thực hiện Chương trình phòng, chống mại dâm hàng năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp phân bổ nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025, từ các nguồn:

1. Nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguồn tài trợ, huy động của các cá nhân, tổ chức (nếu có).
3. Riêng Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện hàng năm chủ động lập dự toán kinh phí để thực hiện công tác phòng, chống mại dâm gửi Sở Tài chính phân bổ theo nguồn ngân sách Nhà nước.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn triển khai tổ chức, thực hiện nhiệm vụ đã được phân công trong Kế hoạch. Báo cáo tình hình kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (thông qua Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, số 153 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh) để theo dõi, tổng hợp.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổng hợp tình hình kết quả thực hiện Kế hoạch để báo cáo Chính phủ, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1950/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Phú Nhuận

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc hội ngày 10 tháng 12 năm 2018 về hợp nhất Luật Đất đai và Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội về việc sửa đổi 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích đất lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận tại Tờ trình số 297/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2021; và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại

Tờ trình số 3331/TTr-TNMT-QLĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Phú Nhuận với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 13	Phường 15	Phường 17
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		486,02	19,66	37,28	18,51	28,25	30,29	43,23	30,12	139,93	33,40	38,50	29,21	23,14	14,49
1	Đất nông nghiệp	NNP														
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	486,02	19,66	37,28	18,51	28,25	30,29	43,23	30,12	139,93	33,40	38,50	29,21	23,14	14,49
2.1	Đất quốc phòng	CQP	66,84		0,01				0,77	0,29	64,51	0,96	0,14	0,07	0,09	
2.2	Đất an ninh	CAN	1,19						0,50	0,32	0,11	0,25				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK														
2.4	Đất khu chế xuất	SKT														
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN														
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	10,85	0,16	0,14	0,36	0,58		0,42	2,10	3,57	1,57	0,77	0,04	0,55	0,59
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,58	0,03		0,09			0,05	0,09	1,16		0,16			
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS														
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	122,00	4,80	13,73	4,51	9,42	7,04	11,04	9,64	21,90	11,38	10,62	8,06	5,94	3,94
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,14							0,14						
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL														
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,35								0,35					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT														
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	247,42	14,19	19,24	13,07	16,83	22,02	28,80	16,47	31,14	17,90	24,80	19,09	15,75	8,11
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,07	0,06	0,09	0,05	0,20	0,18	0,14	0,32	0,35	0,60	1,26	0,20	0,53	0,12

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 13	Phường 15	Phường 17
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,99	0,05	0,01	0,23	0,18	0,06	0,07	0,08	0,86	0,05	0,21	0,03	0,02	0,13
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG														
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	7,66	0,34	0,50	0,12	1,00	0,83	1,28	0,45	1,13	0,66	0,15	0,83	0,24	0,13
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,04			0,02			0,02		0,00		0,01			
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX														
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,11		0,01	0,03		0,02	0,02					0,02		0,01
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	15,43			0,03	0,03	0,06	0,61	0,03	14,36	0,02				0,30
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,80	0,03	0,10	0,00		0,09	0,01	0,01	0,27	0,15	0,02	0,08	0,03	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5,53		3,45								0,11	0,82		1,16
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC														
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK														
3	Đất chưa sử dụng	CSD														
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN														
5	Đất khu kinh tế*	KKT														
6	Đất đô thị*	KDT	486,02	19,66	37,28	18,51	28,25	30,29	43,23	30,12	139,93	33,40	38,50	29,21	23,14	14,49

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 13	Phường 15	Phường 17
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp	NNP														
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,42								0,36	0,06				
2.1	Đất quốc phòng	CQP														
2.2	Đất an ninh	CAN														
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK														
2.4	Đất khu chế xuất	SKT														
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN														
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,36								0,36					
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC														
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS														
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT														
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT														
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL														
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA														
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT														
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,06									0,06				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 13	Phường 15	Phường 17
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC														
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS														
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG														
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON														
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD														
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX														
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH														
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV														
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN														
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON														
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC														
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK														

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021:

Trên địa bàn quận Phú Nhuận không có trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021:

Trên địa bàn quận Phú Nhuận không có diện tích đất chưa sử dụng.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận và các Sở - ngành liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố, niêm yết công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

2. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

4. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định.

5. Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ cho quận tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hòa Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1951/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Gò Vấp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc Hội ngày 10 tháng 12 năm 2018 về hợp nhất Luật Đất đai và Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội về việc sửa đổi 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp tại Tờ trình 1142/TTr-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021; và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3528/TTr-STNMT-QLĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Gò Vấp với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha.

STT	Tên loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc																
			P1	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15	P16	P17	
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)	1.973,25	59,02	144,21	37,29	157,73	165,02	97,25	116,58	83,83	165,28	122,54	143,25	85,62	209,05	143,11	127,52	115,96	
1	Đất nông nghiệp	34,67	0,00	0,06	0,04	1,73	2,33	0,04	1,22	0,51	0,00	0,31	0,92	0,75	4,85	20,71	0,87	0,32	
1.1	Đất trồng lúa																		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	32,97	0,00	0,06	0,04	1,73	2,33	0,04	1,12	0,51	0,00	0,31	0,71	0,75	3,55	20,63	0,87	0,32	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1,62							0,10				0,21		1,31				
1.4	Đất rừng phòng hộ																		
1.5	Đất rừng đặc dụng																		
1.6	Đất rừng sản xuất																		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,08															0,08		
1.8	Đất làm muối																		
1.9	Đất nông nghiệp khác																		
2	Đất phi nông nghiệp	1.938,58	59,02	144,15	37,24	156,00	162,69	97,21	115,37	83,32	165,28	122,23	142,32	84,87	204,20	122,40	126,65	115,64	
2.1	Đất quốc phòng	107,13		28,36		0,91	0,55	17,42	0,08		50,27	0,21	0,35					9,00	
2.2	Đất an ninh	1,12						0,10				1,02							
2.3	Đất khu công nghiệp																		
2.4	Đất khu chế xuất																		
2.5	Đất cụm công nghiệp																		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	19,39	0,02	0,11	0,12	3,21	1,36	0,18	0,13	0,33	4,04	1,59	0,08		7,25	0,07		0,89	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	75,44	1,77	2,45	1,40	3,27	3,89	0,93	21,64	0,39	0,36	0,88	2,54	2,40	28,49	1,81	1,41	1,81	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản																		
2.9	Đất phát triển hạ tầng	435,97	16,51	34,41	12,56	40,83	32,44	28,97	21,23	16,91	34,10	24,04	32,81	18,74	43,24	26,43	26,93	25,84	

STT	Tên loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc																
			P1	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15	P16	P17	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa																		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh																		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,01															0,01		
2.13	Đất ở tại nông thôn																		
2.14	Đất ở tại đô thị	1.110,87	38,23	61,69	22,10	87,98	66,48	46,20	64,79	63,95	71,06	86,94	103,63	53,70	110,37	74,46	88,89	70,42	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	13,70	0,26	0,16	0,21	1,33	2,29	0,40	0,52	0,49	2,47	0,16	0,27	0,54	2,39	0,12	1,58	0,50	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của TCSN	0,24				0,21		0,02										0,02	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao																		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	23,13	1,63	2,31	0,57	1,55	0,51	0,42	1,81	0,33	0,41	3,23	0,31	1,78	0,31	2,77	4,08	1,10	
2.19	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	16,03	0,56	0,59	0,22	0,11	0,61	0,02	2,25	0,58	0,48	3,09	1,47	0,11	0,41	0,80	3,53	1,22	
2.20	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm																		
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,86		0,07		0,04	0,15	0,06	0,02		0,01	0,15	0,05		0,02	0,06	0,01	0,21	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	67,74		13,78	0,02	1,04	38,10	2,07	2,73	0,33	2,08	0,62	0,66	1,05	2,00	0,89	0,05	2,32	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	1,96	0,04	0,23	0,04	0,27	0,14	0,42	0,17		0,01	0,30	0,15		0,10	0,02	0,02	0,05	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	64,41				15,25	16,01							6,16	9,62	14,96	0,15	2,26	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng																		
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	0,56					0,16							0,40					
3	Đất chưa sử dụng																		
4	Đất khu công nghệ cao*																		

Đơn vị tính: ha.

STT	Tên loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc																
			P1	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15	P16	P17	
5	Đất khu kinh tế*																		
6	Đất đô thị*	1.973,25	59,02	144,21	37,29	157,73	165,02	97,25	116,58	83,83	165,28	122,54	143,25	85,62	209,05	143,11	127,52	115,96	

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021:

Đơn vị tính: ha.

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				P1	P.3	P.4	P.5	P.6	P.7	P.8	P.9	P.10	P.11	P.12	P.13	P.14	P.15	P.16	P.17	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
1	Đất nông nghiệp	NNP	6,20				1,75	0,12			1,80			0,54			1,99			
1.1	Đất trồng lúa	LUA																		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	6,20				1,75	0,12			1,80			0,54			1,99			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN																		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,78		0,45		1,77	1,36	1,00		0,15	0,54		0,13					0,38	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,95		0,14			0,01	0,49			0,31								
2.2	Đất an ninh	CAN																		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD																		
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,64				0,20							0,06					0,38	
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	0,02											0,02						

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	26,89		0,04	2,64	3,82		0,41	2,62		0,36	2,04	1,91	3,21	8,78	0,75	0,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN																
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN																
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN																
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN																
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																
2	Chuyển đổi nội bộ trong đất phi nông nghiệp	PNN	9,46	0,45	1,78	1,91	1,00		0,15	0,54		0,13		2,52	0,17			0,82

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021:

Trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2021, không có diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp và các sở - ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban- ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hòa Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1952/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hóc Môn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc hội ngày 10 tháng 12 năm 2018 về hợp nhất Luật Đất đai và Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội về việc sửa đổi 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết 85/NQ/HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tại Tờ trình 1778/TTr-UBND-TNMT ngày 13 tháng 4 năm 2021; và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3529/TTr-STNMT-QLĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Hóc Môn với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Hóc Môn	Bà Điểm	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Thượng	Tân Xuân	Nhị Bình	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Tân Hiệp	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng diện tích tự nhiên		10.917,21	173,77	702,21	893,69	1.856,88	274,63	844,45	1.498,03	299,22	177,03	1.194,89	1.278,47	1.723,94
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.869,00	18,20	157,65	302,33	1.096,06	59,93	399,01	826,40	69,04	23,22	546,45	589,35	781,36
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.605,46			5,94	527,26			199,67	3,77		315,03	135,34	418,46
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	592,20				166,13			27,67			315,03		83,38
			1.013,25			5,94	361,13			172,00	3,77			135,34	335,08
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.304,49	18,20	156,82	294,64	539,56	59,55	235,69	283,71	52,43	19,96	141,75	389,35	112,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	915,56		0,00	0,00	23,53	0,38	158,27	332,41	12,57	3,08	80,73	54,59	250,02
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	41,88		0,83	1,47	5,72		5,05	10,61	0,26	0,18	7,62	10,08	0,05
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,60			0,27							1,33		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.047,08	155,57	544,50	591,36	760,83	214,70	444,80	671,63	230,18	153,80	648,32	689,12	942,28
2.1	Đất quốc phòng	CQP	58,52	0,16			2,05						45,02		11,29
2.2	Đất an ninh	CAN	6,20	0,78			3,59		0,25	0,98			0,60		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	62,64							62,64					

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Học Môn	Bà Điểm	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Thượng	Tân Xuân	Nhị Bình	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Tân Hiệp	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng diện tích tự nhiên		10.917,21	173,77	702,21	893,69	1.856,88	274,63	844,45	1.498,03	299,22	177,03	1.194,89	1.278,47	1.723,94
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	28,21	1,13	0,02	1,06	0,58	0,89	0,08	1,92	3,70	0,14	12,35	5,56	0,78
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	350,67	1,80	44,11	25,56	38,38	8,63	10,81	61,65	19,69	3,32	57,04	35,04	44,66
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,16										0,16		
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.766,48	42,74	129,02	125,66	162,03	41,45	68,95	169,64	48,35	29,58	167,91	110,46	670,70
2.8.1	Đất giao thông	DGT	883,03	25,08	112,93	88,95	99,98	33,90	63,51	104,15	34,16	25,30	88,22	79,73	127,12
2.8.2	Đất thủy lợi	DTL	283,46	3,55	6,50	24,83	46,58	0,46		28,94	1,11	0,06	63,57	17,83	90,03
2.8.3	Đất công trình năng lượng	DNL	1,46	0,01	0,28	0,01	0,15			0,05			0,91		0,05
2.8.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,51	0,15			0,12		0,13			0,01		0,03	0,06
2.8.5	Đất cơ sở văn hóa	DVH	7,16	0,59	1,34	0,30	1,39		0,45		0,07		1,94	0,32	0,76
2.8.6	Đất cơ sở y tế	DYT	6,69	3,17	0,07	0,14	0,16	0,18	0,16	1,84	0,32	0,22	0,14	0,11	0,19
2.8.7	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	566,24	9,44	7,71	8,97	13,36	6,12	4,51	33,98	4,29	3,87	11,75	9,85	452,38
2.8.8	Đất cơ sở thể dục, thể thao	DTT	6,72			2,46		0,78					1,38	2,10	
2.8.9	Đất cơ sở dịch vụ	DXH	0,30	0,03							0,27				

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Học Môn	Bà Điểm	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Thượng	Tân Xuân	Nhị Bình	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Tân Hiệp	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng diện tích tự nhiên		10.917,21	173,77	702,21	893,69	1.856,88	274,63	844,45	1.498,03	299,22	177,03	1.194,89	1.278,47	1.723,94
	<i>về xã hội</i>														
2.8.10	Đất chợ	DCH	10,90	0,73	0,19		0,29		0,18	0,68	8,14	0,11		0,49	0,09
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,22				9,05			0,09	0,08				
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	39,97	0,02										39,95	
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.163,27		354,31	411,47	521,72	154,03	242,08	340,31	145,21	108,18	327,13	368,64	190,20
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	104,26	104,26											
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,26	2,24	0,32	0,32	0,32	0,45	1,26	1,96	0,46	0,56	0,84	0,48	1,06
2.14	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,33	0,12					0,02			0,05	0,32		0,82
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	30,39	0,92	1,93	1,79	0,50	0,81	1,28	0,64	4,15	3,37	7,75	3,38	3,88
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	148,21	0,89	13,12	23,49	15,90	7,70	0,53	11,20	7,61	6,40	21,54	25,64	14,19
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,73	0,15	0,61	0,20	0,18	0,23	0,40	0,80	0,12	0,16	0,28	0,44	0,15
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,92		0,99			0,08			0,51			3,34	2,00
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,75	0,36	0,08	1,83	0,43	0,42	0,36	0,25	0,09	0,16	1,00	1,47	0,30

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Học Môn	Bà Điểm	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Thượng	Tân Xuân	Nhị Bình	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Tân Hiệp	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tổng diện tích tự nhiên		10.917,21	173,77	702,21	893,69	1.856,88	274,63	844,45	1.498,03	299,22	177,03	1.194,89	1.278,47	1.723,94
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	192,00				5,93		118,25	17,36			0,53	49,93	
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	10,46				0,19			2,17			5,88		2,23
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	47,43						0,52		0,21	1,90		44,79	0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,13		0,06				0,65				0,12		0,29

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021:

Đơn vị tính: ha.

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Học Môn	Bà Điểm	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Thượng	Tân Xuân	Nhị Bình	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Tân Hiệp	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp	NNP	51,70	2,11	24,58	3,81	6,80	2,02	0,02		1,02	0,49	1,38	3,75	5,73
1.1	Đất trồng lúa	LUA	11,95			2,03	3,66				1,00			1,58	3,69
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>0,04</i>				<i>0,04</i>								

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Học Môn	Bà Điểm	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Thượng	Tân Xuân	Nhị Bình	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Tân Hiệp	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	33,62	2,11	23,95	1,41	1,58	1,95	0,02			0,49	0,50	0,59	1,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6,09		0,63	0,37	1,57	0,07			0,02		0,84	1,58	1,01
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,04										0,04		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	30,63	0,84	10,10	7,08	1,61	0,07		0,05	0,01	0,68	2,10	7,50	0,60
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,31		0,14	0,09								0,09	
2.9	<i>Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã</i>	<i>DHT</i>	<i>1,80</i>	<i>0,35</i>		<i>0,01</i>	<i>0,06</i>				<i>0,05</i>		<i>1,20</i>		<i>0,13</i>
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1,45</i>			<i>0,01</i>	<i>0,06</i>				<i>0,05</i>		<i>1,20</i>		<i>0,13</i>
2.9.7	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>0,35</i>	<i>0,35</i>											
2.9.8	<i>Đất cơ sở thể dục, thể thao</i>	<i>DTT</i>													
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	26,57		9,79	6,95	1,54	0,07			0,01		0,86	6,90	0,47
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	0,41	0,41											
2.13	Đất xây dựng trụ sở	TSC	0,07			0,04								0,04	

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Học Môn	Bà Điểm	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Thượng	Tân Xuân	Nhị Bình	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Tân Hiệp	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	cơ quan														
2.17	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,26	0,07								0,68	0,05	0,46	
2.18	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX													
2.21	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02	0,01		0,01									
2.22	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,03				0,01							0,02	

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất 2021:

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				TT Học Môn	Bà Điểm	Thới Tam Thôn	Xuân Thới Thượng	Tân Xuân	Nhị Bình	Xuân Thới Sơn	Xuân Thới Đông	Trung Chánh	Tân Hiệp	Đông Thạnh	Tân Thới Nhì
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất NN chuyển sang phi nông nghiệp		370,28	2,11	28,03	27,05	75,77	9,31	96,53	65,98	5,29	2,42	47,59	76,55	20,32
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	90,08			9,86	26,82			19,00	1,92		3,36	24,62	4,50

	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	3,40				0,04						3,36		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	121,27	2,11	26,95	5,92	12,89	8,53	31,58	4,51	0,31	1,46	13,45	9,12	4,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	157,15		1,08	1,42	9,09	0,78	64,95	23,30	1,14	0,96	29,53	18,03	6,87
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,74				0,21			0,17			1,20	0,16	
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,04										0,04		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		86,23				25,10			8,36	2,98		1,20	37,90	10,69
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác	LUA/HNK	5,12				1,16			1,26				2,45	0,25
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	79,91				23,94			7,10	2,98			35,45	10,44
2.1 9	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,20										1,20		

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 2021:

Trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2021, không có diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và các Sở - ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố, niêm yết công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, thị trấn.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hòa Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1963/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-BNV ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 41 /TTr-STTTT ngày 18 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng,

nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính trong năm 2021.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính
trên địa bàn Thành phố năm 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1963/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện cải cách hành chính của cán bộ quản lý các cấp; cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ, nhiệm vụ; giám sát hoạt động thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch và hiệu quả.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xác định được nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính phù hợp với Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 2021 – 2025 của Chính phủ; Chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và chương trình nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải cách môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2020 – 2025, chủ đề “Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh” và từng nhóm đối tượng là cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao trách

nhệm tổ chức thực hiện cải cách hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ.

- Nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức đối với công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên truyền để người dân hiểu, tự nguyện tham gia thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 bằng nhiều hình thức, giải pháp thiết thực. Từ đó phát huy vai trò giám sát của người dân đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ, nhiệm vụ và các nội dung cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính có liên quan.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh trong việc chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền cải cách hành chính. Đồng thời, nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, phóng viên phụ trách đưa tin, bài, phóng sự về cải cách hành chính.

- Xây dựng nhận thức đúng về vị trí, vai trò quan trọng của công tác tuyên truyền. Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan thông tấn, báo chí, bảo đảm thông tin về tình hình triển khai và kết quả thực hiện cải cách hành chính tại các sở, ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện được phản ánh đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

2. Yêu cầu

- Phổ biến, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, thường xuyên, liên tục, đa chiều, phù hợp với tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của từng nhóm đối tượng. Có sự chủ động, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị tuyên truyền; đổi mới nội dung, tài liệu, ấn phẩm; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, đảm bảo đồng loạt, tạo hiệu ứng tích cực.

- Tuyên truyền cải cách hành chính phải gắn với lộ trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn của Chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Lồng ghép công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước với việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tuyên truyền về cải cách hành chính phải góp phần nâng cao dân trí, phòng chống tham nhũng, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh hội

nhập quốc tế.

- Các cơ quan, tổ chức được phân công trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch này.

3. Đối tượng

Toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức, doanh nghiệp; các cơ quan thông tấn, báo chí và người dân.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Nội dung tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021 trên địa bàn Thành phố tập trung vào những nội dung trọng tâm sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

b) Các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính.

c) Vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

d) Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 và Chương trình cải cách hành chính của thành phố giai đoạn 2011-2020.

e) Tuyên truyền các nội dung theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ; Chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch cải cách hành chính của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021; Kế hoạch thực

hiện Chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2025 và Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2025 và Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 về ban hành Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 -2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố, với các nội dung cụ thể như sau:

- Tuyên truyền về Chủ đề công tác Cải cách hành chính năm 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: ***“Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh”***.

- ***Cải cách thể chế***: Tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; tiếp tục nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù phục vụ cho công tác quản lý thực tiễn tại Thành phố.

- ***Cải cách thủ tục hành chính***: Tiếp tục tuyên truyền kết quả thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính. Tuyên truyền tình hình và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Tuyên truyền về các giải pháp khuyến khích người dân và tổ chức tham gia thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đảm bảo hiệu quả (gia tăng tỷ lệ phát sinh hồ sơ), gắn với nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Tuyên truyền công tác kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thủ tục hành chính mới theo quy định, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không còn phù hợp, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố.

- ***Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước***: Tuyên truyền về kết quả thực hiện Đề án tổ chức chính quyền đô thị; sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phù hợp tình hình Thành phố, thành lập thành phố Thủ Đức và tổ chức bầu cử đại

biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021–2026. Tuyên truyền kết quả thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Tuyên truyền về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị phù hợp với đặc điểm của Thành phố và quy định mới, giảm các tổ chức phối hợp liên ngành hoạt động kém hiệu quả; giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; chủ động cải cách tổ chức bộ máy trong từng nội bộ cơ quan, đơn vị.

- **Cải cách chế độ công vụ:** Tuyên truyền về tình hình, kết quả triển khai cải cách công vụ, công chức. Tuyên truyền và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về công tác cải cách hành chính; tuyên truyền, phổ biến kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính, kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên truyền về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công vụ, nhiệm vụ, đặc biệt là trong giải quyết công việc đối với cá nhân, tổ chức. Tuyên truyền thực hiện quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Cải cách tài chính công:** Tuyên truyền về các biện pháp để quản lý và đảm bảo nguồn thu; đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư; huy động hiệu quả các nguồn lực trong xã hội chi đầu tư phát triển. Tuyên truyền về việc tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và sự hài lòng của người dân và tổ chức. Tuyên truyền về công tác kiểm soát đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trong việc sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước, đặc biệt là việc công khai, minh bạch, dân chủ về tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuyên truyền về đẩy mạnh thanh toán điện tử để tạo tiện lợi cho người dân và tổ chức khi thực hiện TTHC và sử dụng dịch vụ công.

- **Hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử:** Tuyên truyền kết quả thực hiện Quyết định số 6179/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11

năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án xây dựng Thành phố trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2025; Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Thành phố. Tiếp tục tuyên truyền về các nội dung hiện đại hóa hành chính, trọng tâm là xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Tuyên truyền về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động nội bộ của lãnh đạo Thành phố; trong phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị nhất là ở phường - xã, thị trấn; trong phục vụ người dân và tổ chức; mở rộng việc sử dụng trên nền tảng điện thoại thông minh.

- Tuyên truyền về công tác thanh tra, kiểm tra và kết quả xử lý sau thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính.

- Tuyên truyền về các đề xuất, sáng kiến; mô hình, giải pháp sáng tạo trong cải cách hành chính để nhân rộng tại từng địa phương, từng ngành, lĩnh vực và trên địa bàn Thành phố. Đồng thời cũng công khai thông tin về những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong quá trình triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố để rút ra những bài học kinh nghiệm và kịp thời xây dựng các giải pháp khắc phục.

2. Hình thức tuyên truyền

a) Thông qua tất cả các loại hình báo chí và huy động, sử dụng mọi phương tiện thông tin đại chúng, gồm: báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử và cổng thông tin điện tử hoặc các trang thông tin điện tử của các cơ quan báo, đài Thành phố, các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức chính trị-xã hội Thành phố.

b) Thông qua việc phát hành tờ gấp, panô, áp phích, bản tin liên quan đến công tác cải cách hành chính.

c) Thông qua hình thức tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lồng ghép nội dung cải cách hành chính trong các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Đưa nội dung thông tin về tình hình triển khai, kết quả cải cách hành chính nhà nước một cách thích hợp vào chương trình họp báo định kỳ của Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân các quận-huyện và

thành phố Thủ Đức.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, lãnh đạo các đoàn thể, lãnh đạo các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện; người đứng đầu các cơ quan báo chí, Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong việc tuyên truyền cải cách hành chính:

- Tổ chức hội nghị quán triệt về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan báo chí, Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong việc tuyên truyền cải cách hành chính.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nghiêm túc, hiệu quả.

2. Kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính. Nâng cao kiến thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên đang phụ trách các chuyên trang, chuyên mục liên quan đến cải cách hành chính tại các cơ quan báo chí, Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Xây dựng tài liệu tập huấn và tổ chức các lớp tập huấn phù hợp với từng loại hình báo chí.

- Thường xuyên tổ chức các cuộc giao ban về cải cách hành chính giữa Ban Chỉ đạo cải cách hành chính Thành phố với cơ quan thông tấn, báo chí tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tăng cường phối hợp giữa các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện, thành phố Thủ Đức với các cơ quan thông tin, truyền thông và các tổ chức chính trị - xã hội để phát động, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, thi viết về cải cách hành chính; xây dựng mạng lưới cộng tác viên đưa tin, bài về cải cách hành chính. Phối hợp thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính giữa các cơ quan nhà nước với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các thành viên.

4. Cải thiện, nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trên các phương tiện truyền thông của các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện và thành phố Thủ Đức (trên các trang thông tin điện tử, báo, tạp chí, bản tin...).

5. Tổ chức biên soạn, phát hành các loại ấn phẩm thông tin, tuyên truyền về các nội dung của cải cách hành chính.

6. Gắn công tác tuyên truyền cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Thủ trưởng các sở-ban-ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện và thành phố Thủ Đức:

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm (xây dựng kế hoạch riêng hoặc lồng ghép thành một mục trong kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị) và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch. Thủ trưởng các sở-ban-ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện và thành phố Thủ Đức trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm cá nhân về tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trong phạm vi, nhiệm vụ được giao phụ trách.

- Tổ chức báo cáo công tác tuyên truyền cải cách hành chính lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ của đơn vị (gửi đồng thời cho Sở Nội vụ và Sở Thông tin và Truyền thông). Báo cáo thực hiện trên phần mềm cải cách hành chính Thành phố.

- Đưa nội dung thông tin về tình hình triển khai, kết quả cải cách hành chính nhà nước một cách thích hợp vào chương trình họp báo định kỳ của Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân các quận-huyện và thành phố Thủ Đức.

- Chỉ đạo thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời về tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính của các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện và thành phố Thủ Đức trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố hoặc trang thông tin điện tử của sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện và thành phố Thủ Đức.

- Chỉ đạo thiết lập kênh/mục tiếp nhận, xử lý, phản hồi kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố và trang thông tin điện tử của sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và thành phố Thủ Đức theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy

định hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

- Tổ chức lồng ghép công tác tuyên truyền cải cách hành chính vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền cải cách hành chính phù hợp từng ngành, từng cấp.

- Huy động, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức có đủ năng lực và trình độ hiểu biết về nhà nước và pháp luật, về hành chính nhà nước, thực hiện theo dõi, hướng dẫn và báo cáo tình hình thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước.

b) Giám đốc Sở Nội vụ:

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, đôn đốc các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện và thành phố Thủ Đức xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm.

- Tổ chức các lớp tập huấn, giới thiệu các kiến thức cơ bản về cải cách hành chính.

- Cung cấp bản tin điện tử cải cách hành chính từ Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính Chính phủ đến các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện và thành phố Thủ Đức.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố trong việc tổ chức tuyên truyền cải cách hành chính.

- Lồng ghép việc kiểm tra công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trong kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì phối hợp với các sở-ban-ngành có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2021.

- Hướng dẫn, đôn đốc và định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện

công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính tại các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện, thành phố Thủ Đức và tại các cơ quan thông tấn, báo chí để kịp thời đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố các biện pháp, hình thức tuyên truyền mới, hiệu quả, thiết thực, phù hợp.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí, Đài truyền hình, Đài tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành lập, duy trì các chuyên trang, chuyên mục cải cách hành chính để tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước đến các đối tượng.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan để cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn, báo chí, Đài truyền hình, Đài tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố trong các cuộc họp giao ban báo chí hàng tuần. Đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố các nội dung có liên quan để phục vụ các cuộc họp báo định kỳ và đột xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Giám đốc Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, thẩm định kinh phí thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trong chương trình, kế hoạch của các sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện và thành phố Thủ Đức.

đ) Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Biên tập Báo Sài Gòn Giải phóng và lãnh đạo các cơ quan báo chí Thành phố:

- Thiết lập, nâng cao chất lượng tin, bài và duy trì phát sóng định kỳ có hiệu quả các chuyên mục, chuyên đề, phóng sự về cải cách hành chính nhà nước, Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Chương trình cải cách hành chính của Thành phố năm 2021, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.

- Phản ánh được thực tế các khó khăn, vướng mắc, bức xúc của người dân, doanh nghiệp và các nội dung làm tốt, tạo được sự hài lòng đối với người dân, doanh nghiệp; đồng thời biểu dương, tuyên truyền nhân rộng các điển hình cá nhân, tổ chức và các mô hình hay, hiệu quả trong công tác cải cách hành chính. Trong đó tăng cường thực hiện các ấn phẩm chuyên đề theo hình thức phóng sự thực tế có liên quan đến các thủ tục hành chính, đặc biệt đối với các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng....

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí cho công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021 được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị hoặc lồng ghép vào kế hoạch cải cách hành chính hàng năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm thực hiện theo quy định của pháp luật./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng